

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Dương Ngọc Long

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ

Tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng

Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi: Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

2. Trụ sở chính của Quỹ phát triển đất đặt tại Thành phố Thái Nguyên (khi chưa có địa điểm chính thức đặt tại Sở Tài chính, số 5 đường Đội Cấn, Phường Trưng Vương, Thành phố Thái Nguyên).

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (Gọi tắt là Quỹ), là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có chức năng nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.

2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ thực hiện thu, chi, quyết toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn Luật. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch của năm đó.

4. Quỹ phải công khai tình hình huy động, quản lý, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định hiện hành.

5. Không được lợi dụng hoạt động của Quỹ để thu lợi cho cá nhân và hoạt động trái với các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Hoạt động của Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể của Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP).

2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm a,b,c khoản 1, Điều 18 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.

3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các điểm d,đ,e khoản 1, Điều 18 của Điều lệ này.

4. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.

5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.

3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo Quy định tại Điều 19, 20 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.

5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.

6. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Mục 1. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Nguyên (gọi tắt là Hội đồng quản lý Quỹ) là tổ chức cao nhất của Quỹ, quyết định chủ trương, phương hướng và các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đồng thời là Giám đốc Quỹ;

c) Các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch- Đầu tư; Kho bạc nhà nước; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên;

d) Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ đồng thời là Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ được thay thế hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ quản lý Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quyết định kế hoạch phát triển, định hướng hoạt động của Quỹ.

3. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách từ các nguồn thu từ đất và nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

4. Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

7. Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

8. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ, Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

9. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

10. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính quy định tại Điều 28, 29 của Điều lệ này; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

11. Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các đơn vị nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

12. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các Thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ. Phân cấp quản lý cho giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

2. Ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

3. Triệu tập, chủ trì và phân công Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Ủy quyền cho Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

5. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

6. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình, họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì cuộc họp. Thông báo mời họp bằng văn bản chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp đến từng Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, nội dung mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình họp, các vấn đề thảo luận.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự; Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc Nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Đối với những công việc có liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, các hội, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ không có Thành viên tham gia Hội đồng quản lý thì mời đại diện có thẩm quyền của các tổ chức, cơ quan tham dự phiên họp. Đại diện của các cơ quan này có quyền phát biểu nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

5. Biên bản hoặc Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với Quỹ triển khai thực hiện.

6. Các Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy định của Quỹ và các quy định của pháp luật, kể cả khi đã thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển cơ quan khác.

7. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, kể cả tiền phụ cấp cho Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và bộ phận giúp việc Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Mục 2. BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 12. Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ

1. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

a) Ban kiểm soát Quỹ có 03 (ba) thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và uỷ viên. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

b) Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách khác theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ chính sách khác theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát ủy quyền cho Phó trưởng ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát.

8. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Mục 3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ QUỸ

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

Chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc cơ quan điều hành Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định sau khi có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm:

- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Quản lý đặt hàng mua nhà, thanh toán;
- Phòng Hành chính - Tổng hợp.

2. Các phòng nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

3. Biên chế của Quỹ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo kế hoạch hàng năm.

Quỹ được phép sử dụng lao động hợp đồng thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh, hưởng tiền công từ nguồn thu khác của Quỹ.

Điều 14. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn, nghiệp vụ; việc tuyển dụng cán bộ công chức, người lao động do Giám đốc Quỹ quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

2. Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

4. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

6. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.

7. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 16. Phó giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác.

2. Phó giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ.

3. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể quỹ hoặc trường hợp Kế toán trưởng của quỹ chuyển công việc khác thì phải hoàn thành việc quyết toán trước khi nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ VÀ CƠ CHẾ NHẬN ỦY THÁC

Điều 17. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm ngân sách tỉnh cấp và các nguồn thu khác (nếu có).

2. Mức vốn ngân sách tỉnh cấp cho Quỹ trong giai đoạn 2012 đến 2015 là 300 (ba trăm) tỷ đồng, trong đó thực hiện việc bố trí kinh phí cấp cho Quỹ ngay khi thành lập là 30 tỷ đồng và nhận bàn giao nguồn kinh phí mà các đơn vị đang vay ngân sách tỉnh thực hiện các dự án khu dân cư.

Việc thay đổi mức vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động, căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Luật Ngân sách.

3. Hàng năm ngân sách tỉnh trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác) để đảm bảo hình thành đủ mức vốn Nhà nước cấp cho Quỹ quy định tại khoản 2 Điều này. Mức trích cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 18. Quy định về quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Ứng vốn cho Tổ chức Phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ:

- Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất;

- Tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án;

- Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá.

b) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

c) Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

d) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

đ) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu (nếu có).

e) Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại các huyện, thành phố, thị xã có đất bị thu hồi.

2. Mức ứng vốn để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, Điều này do Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ này.

3. Mức chi hỗ trợ cho các nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1, Điều này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Quỹ Phát triển đất và các cơ quan liên quan thẩm định trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 19. Điều kiện ứng vốn, chi hỗ trợ và thẩm quyền quyết định

1. Quỹ chi thực hiện ứng vốn, chi hỗ trợ khi các tổ chức nhận vốn ứng có đủ các điều kiện sau:

a) Là các tổ chức được giao nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này.

b) Đã hoàn thành các thủ tục về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

c) Có phương án hoàn trả vốn ứng phù hợp với dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

a) Mức ứng vốn một lần không quá 5 (năm) tỷ đồng do Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Mức ứng vốn một lần trên 5 tỷ đồng đến 30 tỷ đồng do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn ứng một lần trên 30 tỷ đồng trở lên Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định.

d) Mức ứng vốn quy định tại khoản này sẽ được Hội đồng xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 20. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 18 tại Điều lệ này và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ (nguồn vốn điều lệ thực có và các nguồn vốn khác), Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho

các dự án, báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án theo Quy định tại Điều 19 của Điều lệ này trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ.

2. Căn cứ nhu cầu ứng vốn của từng dự án, Quỹ thực hiện chi ứng vốn, chi hỗ trợ theo trình tự sau:

a) Tổ chức, doanh nghiệp nhận vốn ứng gửi công văn đề nghị kèm theo các hồ sơ có liên quan của dự án.

b) Mức ứng vốn thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với từng dự án. Việc ứng vốn có thể thực hiện một lần hoặc nhiều lần căn cứ vào khối lượng công việc đủ điều kiện thanh toán;

c) Căn cứ hồ sơ đề nghị ứng vốn, chi hỗ trợ do chủ đầu tư gửi đến, Quỹ thẩm định thực hiện ứng vốn cho chủ đầu tư hoặc thanh toán trực tiếp cho người thụ hưởng theo đề nghị của Chủ đầu tư.

Điều 21. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm a,b,c khoản 1, Điều 18 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi tỉnh thu hồi đất theo quy hoạch sau đó giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách tỉnh. Khi thực hiện giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn ứng ra để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (số tiền sử dụng đất, thuê đất thu được thực hiện điều tiết cho các cấp ngân sách sau khi bù trừ phần chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã ứng ra).

Trường hợp Tổ chức, cá nhân được tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất, thuê đất thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng thì nhà đầu tư thực hiện ủy thác cho Quỹ phát triển đất hoặc các Trung tâm phát triển quỹ đất, thông qua hợp đồng ủy thác để thực hiện chi trả bồi thường, giải phóng mặt bằng thì được trừ số tiền đã chi trả bồi thường, hỗ trợ về đất vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp cho tỉnh. Mức được trừ không vượt quá số tiền sử dụng đất và tiền thuê đất phải nộp theo quy định;

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng theo quy hoạch, sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì toàn bộ số tiền thu được nộp vào tài khoản của Quỹ sau đó thực hiện hoàn trả số tiền vốn đã ứng;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách các cấp hoàn trả theo phân cấp phân chênh lệch còn thiếu.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này thì Quỹ có trách nhiệm ứng vốn để chi trả, ngân sách địa phương bố trí kinh phí hoàn trả.

Điều 22. Thời hạn hoàn trả vốn ứng, các khoản chi hỗ trợ và xử lý rủi ro

1. Thời hạn hoàn trả vốn ứng

Được xác định theo khả năng hoàn trả vốn ứng của từng dự án nhưng tối đa không vượt quá thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư trong quyết định phê duyệt dự án. Trường hợp đặc biệt cần kéo dài thời gian thực hiện, Giám đốc Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ phương án hoàn trả vốn ứng và thời hạn ứng vốn của dự án, Quỹ có trách nhiệm đôn đốc thu hồi vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ của các tổ chức được ứng vốn và giao nhiệm vụ chi hỗ trợ theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

3. Xử lý rủi ro

a) Trường hợp do chính sách Nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong hoàn trả vốn ứng thì tổ chức nhận vốn ứng được xem xét gia hạn nợ; khoan nợ.

b) Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, chiến tranh do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà các tổ chức nhận vốn ứng không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- + Sử dụng các nguồn tài chính của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;
- + Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);
- + Được xem xét, xóa nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

c) Thẩm quyền xử lý rủi ro:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ra hạn nợ;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoan nợ, xóa nợ. Trong trường hợp này Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 23. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước. Riêng đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư và chi hỗ trợ mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

Điều 24. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.
2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.
3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Chương V

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 25. Cơ chế tài chính

Quỹ thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động.

Điều 26. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

- a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;
- b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 23 Điều lệ này;
- c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);
- d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;
- đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 27. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện bao gồm cả chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định;

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức, vốn đối ứng thực hiện các dự án; nguồn vốn nước ngoài theo quy định; tinh giản biên chế theo chế độ (nếu có), đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định, vốn cố định theo dự án, các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ quy định tại Điều 18 của Điều lệ này.

Điều 28. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước hạch toán độc lập. Chi phí hoạt động quản lý và điều hành bộ máy được lấy từ các nguồn thu của Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên.

2. Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là chênh lệch thu, chi tài chính thực hiện trong năm, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí phát sinh trong năm.

3. Quỹ thực hiện công tác kế toán, thống kê và báo cáo theo quy định hiện hành của Nhà nước, của tỉnh và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Phân phối chênh lệch thu chi tài chính

1. Quỹ được trích lập các quỹ: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ ổn định thu nhập, quỹ rủi ro. Mức trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

2. Quản lý tài chính Quỹ

a) Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm lập và xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính, báo cáo tài chính ... (kèm theo thuyết minh chi tiết).

Các Báo cáo của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ lập, có ý kiến của Ban kiểm soát và trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định.

b) Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính năm và công khai quyết toán thu, chi tài chính năm theo quy định hiện hành.

c) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo. Ban kiểm soát quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài chính của Quỹ.

Điều 30. Các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với Quỹ phát triển đất

1. Về Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) từ hoạt động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Thu nhập từ các hoạt động khác ngoài hoạt động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

2. Về Thuế giá trị gia tăng

a) Các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ do Quỹ cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

b) Quỹ cung cấp các dịch vụ không được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hoặc có mua sắm, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng phục vụ cho hoạt động của Quỹ thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.

c) Quỹ thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đối với tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng mà tính vào nguyên giá tài sản cố định. Không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào bằng các nguồn kinh phí do Nhà nước cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Về các loại thuế khác như: thuế môn bài, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt... và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI **XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI** **VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BẢO MẬT**

Điều 31. Xử lý tranh chấp và sắp xếp lại Quỹ

1. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

2. Việc tổ chức lại Quỹ phát triển đất tỉnh do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng, ban nghiệp vụ thuộc bộ máy điều hành của Quỹ, Giám đốc Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 32. Chế độ thông tin bảo mật

1. Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật.

2. Cán bộ, nhân viên Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 33. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trước khi Quỹ hoạt động, các cơ quan cũ thực hiện thanh quyết toán phần công việc đã hoàn thành theo quy định.

2. Đối với các dự án giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch phục vụ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ ngày Quỹ hoạt động, các cơ quan cũ chưa thực hiện thanh toán, giải ngân thì bàn giao cho Quỹ thực hiện theo quy định.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Các nội dung khác không ghi trong bản Điều lệ này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Quỹ. Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch hội đồng tỉnh Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Dương Ngọc Long

Số: 41 /2012/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005, Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 4 về việc thông qua quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên tại Tờ trình số 1391/TTr-SKHĐT ngày 01/10/2012, ý kiến thẩm tra của Sở Tư pháp tại văn bản số 397/STP-XDVB ngày 31/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.